|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  **TỐI CAO**  Số: 252/QĐ-VKSTC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Biểu mẫu và Hướng dẫn**

**biểu mẫu thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội**

**trong ngành Kiểm sát nhân dân *(sửa đổi)***

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;*

*Căn cứ Luật Thống kê năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021- 2030;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mẫu và Hướng dẫn biểu mẫu thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội trong ngành Kiểm sát nhân dân *(sửa đổi)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 203/QĐ-VKSTC ngày 17/5/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị: Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 6 và Cục 2 thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Đ/c Viện trưởng VKSNDTC  (để báo cáo);  - Các Đ/c Phó Viện trưởng -  VKSNDTC (để phối hợp chỉ đạo);  - Như Điều 3 (để thực hiện);  - Lưu: VT, Cục 2. | **KT. VIỆN TRƯỞNG**  **PHÓ VIÊN TRƯỞNG**  ***(Đã ký)***  **Nguyễn Duy Giảng** |

**HƯỚNG DẪN BIỂU 01**-**2021/ND18PT**

**Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội bị khởi tố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-VKSTC ngày 11/8/2021*

*của Viện trưởng VKSND tối cao)*

**\* Khi thống kê cần lưu ý một số nội dung sau:**

- Biểu mẫu áp dụng cho kỳ thống kê 6 tháng và 12 tháng. Thời điểm thống kê như sau:

+ Kỳ thống kê 6 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo.

+ Kỳ thống kê 12 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Cột 1 và Cột 2*(Tội danh; Điều luật)*: Thống kê tội danh mà bị can đã bị khởi tố. Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong BLHS.

- Cột 3 *(Tổng số bị can đã khởi tố):*Thống kê số người dưới 18 tuổi đã bị khởi tố bị can, số này bao gồm số mới khởi tố và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 4 *(Tr. đó: Bị can bị tạm giam)*: Thống kê số bị can bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, số này thuộc số liệu ở Cột 3. (Thống kê số bị can đang bị tạm giam hoặc những bị can đã bị tạm giam nhưng đến thời điểm thống kê đã được cơ quan tố tụng có thẩm quyền thay đổi biện pháp ngăn chặn không phải là tạm giam).

- Cột 5*(Số bị can mới khởi tố)*: Thống kê số bị can mới bị khởi tố trong kỳ thống kê.

- Từ Cột 6 đến Cột 20: Phân tích một số đặc điểm của những bị can là người dưới 18 tuổi mới bị khởi tố. Khi thống kê các cột này cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Cột 6 *(Độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi)*: Thống kê số bị can mới khởi tố có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

+ Cột 7 *(Giới tính Nữ)*: Thống kê số bị can mới khởi tố có giới tính Nữ.

+ Cột 8 *(Người nước ngoài, người không quốc tịch)*: Thống kê số bị can mới khởi tố không phải là người Việt Nam.

+ Cột 9 *(Người dân tộc thiểu số)*: Thống kê số bị can mới khởi tố là người dân tộc khác không phải là người dân tộc Kinh.

+ Cột 10 *(Đi lang thang)*: Thống kê số bị can mới khởi tố mà trước khi phạm tội là người đi lang thang (Đi lang thang được hiểu là người rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định; hoặc cùng với gia đình đi lang thang...).

+ Cột 11*(Bố mẹ đã ly hôn)*: Thống kê số bị can mới khởi tố mà trước khi phạm tội bố, mẹ của bị can đã ly hôn.

+ Cột 12*(Mồ côi bố, mẹ hoặc cả bố và mẹ)*: Thống kê số bị can mới khởi tố mà trước khi phạm tội bị can là người mồ côi bố hoặc mẹ hoặc mồ côi cả bố và mẹ.

+ Cột 13*(Người khuyết tật, tàn tật)*: Thống kê số bị can mới khởi tố mà trước khi phạm tội bị can là người khuyết tật, tàn tật (căn cứ vào Luật Người khuyết tật và các Nghị định hướng dẫn để xác định người khuyết tật, tàn tật).

+ Cột 14*(Là người nghiện ma túy)*: Thống kê số bị can mới khởi tố mà trước khi phạm tội bị can là người nghiện ma túy.

+ Cột 15*(Đồng phạm với người đã đủ 18 tuổi trở lên)*: Thống kê số bị can mới khởi tố là người dưới 18 tuổi nhưng đã đồng phạm với người đủ 18 tuổi trở lên cùng thực hiện một tội phạm.

+ Cột 16*(Tr. đó: Phạm tội do người từ đủ 18 tuổi trở lên xúi giục)*: Thống kê số bị can mới khởi tố là người dưới 18 tuổi bị người từ đủ 18 tuổi trở lên kích động bằng lời nói, cử chỉ, vật chất hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào đó nhằm làm cho họ thực hiện các hành vi phạm tội. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 15.

+ Cột 17,18,19 và Cột 20*(Không biết chữ; Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông):* Thống kê trình độ học vấn của số bị can mới bị khởi tố. Trình độ văn hóa của bị can như thế nào thì thống kê vào cột tương ứng.

- Cột 21*(Số bị can CQĐT đề nghị truy tố)*: Thống kê số bị can là người dưới 18 tuổi CQĐT đề nghị truy tố trong kỳ thống kê.

- Cột 22*(Số bị can CQĐT đình chỉ)*: Thống kê số bị can Cơ quan điều tra đã ra quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê.

**\* Lưu ý:** Số liệu ở Cột 21 và Cột 22 bao gồm số đã khởi tố ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng kỳ thống kê này mới kết thúc điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ.

- Cột 23*(Tr. đó: Miễn trách nhiệm hình sự)*: Thống kê số bị can CQĐT đã ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22.

- Cột 24*(Đình chỉ do không phạm tội)*: Thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do *“không có sự việc phạm tội”* hoặc *“hành vi không cấu thành tội phạm”* (căn cứ đình chỉtheo khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS) hoặc số bị can đình chỉ vì *“đã hết hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm”* (căn cứ đình chỉ theo điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS). Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22 (không thống kê những trường hợp đình chỉ do bị can bị tâm thần).

- Cột 25*(Đình chỉ sau đó chuyển xử lý hành chính)*: Thống kê số bị can đã bị khởi tố, xong CQĐT đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can và chuyển xử lý hành chính. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22./.

**HƯỚNG DẪN BIỂU 02**-**2021/ND18PT**

**Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội bị truy tố***(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-VKSTC ngày 11/8/2021*

*của Viện trưởng VKSND tối cao)*

**\* Khi thống kê cần lưu ý một số nội dung sau:**

- Biểu mẫu áp dụng cho kỳ thống kê 6 tháng và 12 tháng. Thời điểm thống kê như sau:

+ Kỳ thống kê 6 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo.

+ Kỳ thống kê 12 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Cột 1 và Cột 2 *(Tội danh; Điều luật)*: Thống kê tội danh mà bị can đã bị truy tố, đình chỉ. Nếu bị can bị truy tố, đình chỉ về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong BLHS.

Đối với những bị can chưa bị truy tố, đình chỉ thì thống kê theo tội danh mà CQĐT đề nghị truy tố.

- Cột 3 (*Tổng số bị can VKS đã thụ lý)*: Thống kê tổng số bị can là người dưới 18 tuổi VKS đã thụ lý giải quyết trong kỳ thống kê. Số này bao gồm số mới thụ lý và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 4 *(Tr. đó: Bị can bị tạm giam)*: Thống kê số bị can bị tạm giam trong giai đoạn truy tố. Chỉ thống kê những bị can đã hoặc đang bị tạm giam trong giai đoạn truy tố,**không** thống kê những bị can mà giai đoạn điều tra bị tạm giam nhưng trước khi VKS thụ lý giải quyết đã được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam.

- Cột 5 *(Số bị can VKS đã truy tố)*: Thống kê tổng số bị can mà VKS đã ra quyết định truy tố trong kỳ thống kê.

- Từ Cột 6 đến Cột 13: Phân tích một số đặc điểm của những bị can là người dưới 18 tuổi bị truy tố trong kỳ thống kê. Khi thống kê các tiêu chí này cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Cột 6*(Độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi)*: Thống kê số bị can bị truy tố trong kỳ thống kê có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

+ Cột 7*(Giới tính Nữ)*: Thống kê số bị can bị truy tố trong kỳ thống kê có giới tính Nữ.

+ Cột 8*(Người nước ngoài, người không quốc tịch)*: Thống kê số bị can bị truy tố trong kỳ thống kê không phải là người Việt Nam.

+ Cột 9*(Người dân tộc thiểu số)*: Thống kê số bị can bị truy tố trong kỳ thống kê là người dân tộc khác không phải là người dân tộc Kinh

+ Cột 10,11,12 và Cột13*(Không biết chữ; Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông)*: Thống kê trình độ văn hóa của số bị can bị truy tố trong kỳ thống kê. Trình độ văn hóa của bị can như thế nào thì thống kê vào cột tương ứng.

- Cột 14*(Số bị can Viện kiểm sát đình chỉ)*: Thống kê số bị can mà VKS đã ra quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê.

- Cột 15*(Miễn TNHS)*: Thống kê số bị can VKS đã ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 14.

- Cột 16*(Đình chỉ do không phạm tội)*: Thống kê số bị can VKS đã ra quyết định đình chỉ điều tra do *“không có sự việc phạm tội”* hoặc *“hành vi không cấu thành tội phạm”* (căn cứ đình chỉ theo khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS).Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 14 (không thống kê những trường hợp đình chỉ do bị can bị tâm thần).

- Cột 17*(Đình chỉ sau đó chuyển xử lý hành chính)*: Thống kê số bị can VKS đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can và chuyển xử lý hành chính. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 14.

- Cột 18 *(Viện kiểm sát áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh)*: Thống kê số bị can VKS đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, trong kỳ thống kê./.

**HƯỚNG DẪN BIỂU 03**-**2021/ND18PT**

**Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội bị xét xử sơ thẩm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-VKSTC ngày 11/8/2021*

*của Viện trưởng VKSND tối cao)*

**\* Khi thống kê cần lưu ý một số nội dung sau:**

- Biểu mẫu áp dụng cho kỳ thống kê 6 tháng và 12 tháng. Thời điểm thống kê như sau:

+ Kỳ thống kê 6 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo.

+ Kỳ thống kê 12 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Cột 1 và Cột 2*(Tội danh; Điều luật)*: Thống kê tội danh mà Tòa án đã xét xử, đình chỉ. Nếu bị cáo bị xét xử, đình chỉ về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị cáo được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong BLHS.

Trong trường hợp bị can chưa bị xét xử, đình chỉ thì thống kê theo tội danh mà VKS đã truy tố.

- Cột 3 *(Tổng số bị can, bị cáo Tòa án đã thụ lý):* Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã thụ lý giải quyết, bao gồm số mới thụ lý và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 4 *(Tr. đó: Bị can, bị cáo bị tạm giam)*: Thống kê số bị can, bị cáo bị tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Chỉ tính những bị can, bị cáo đã hoặc đang bị tạm giam trong giai đoạn xét xử,không thống kê những bị can, bị cáo mà giai đoạn điều tra, truy tố bị tạm giam nhưng trước khi Tòa án thụ lý giải quyết đã được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam.

- Cột 5*(Số bị cáo Tòa án đã xét xử)*: Thống kê tổng số bị cáo mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- Cột 6*(Số bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi)*: Thống kê số bị cáo mà Tòa án đã xét xử sơ thẩmtrong kỳ thống kê có độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Cột 7 *(Phạm tội lần đầu)*: Thống kê số bị cáo phạm tội lần đầu Tòa án đã xét xử trong kỳ thống kê.

- Cột 8 và Cột 9 *(Tái phạm; Tái phạm nguy hiểm)*: Thống kê số bị cáo tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm Tòa án đã xét xử trong kỳ thống kê.

- Cột 10*(Số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội)*: Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo không phạm tội trong kỳ thống kê.

- Cột 11 *(Miễn hình phạt):* Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên miễn hình phạt trong kỳ thống kê.

- Cột 12, 13 và Cột 14*(Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ)*: Thống kê 3 loại hình phạt cụ thể mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với người dưới 18 tuổi trong kỳ thống kê. Tòa án áp dụng hình phạt nào thì thống kê vào cột tương ứng.

- Cột 15*(Phạt tù cho hưởng án treo)*: Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo được hưởng án treo trong kỳ thống kê.*Số liệu này là số liệu độc lập,* ***không*** *thuộc số liệu ở Cột 16.*

- Cột 16, 17 và Cột 18*(3 năm tù trở xuống; Trên 3 năm tù đến 7 năm tù; Trên 7 năm tù)*: Thống kê số bị cáo Tòa án đã tuyên hình phạt tù có thời hạn (tù giam), trong kỳ thống kê. Tòa án áp dụng mức hình phạt nào thì thống kê vào cột tương ứng.

- Cột 19 *(Tòa án đình chỉ xét xử)*: Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã đình chỉ xét xử trong kỳ thống kê.

- Cột 20*(Miễn TNHS)*: Thống kê số bị can Tòa án đã ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự trong kỳ thống kê.Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 19.

- Cột 21*(Tòa án ra quyết định đình chỉ do Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố vì có căn cứ được miễn TNHS)*: Thống kê số bị can Tòa án ra quyết định đình chỉ do Viện Kiểm sát rút quyết định truy tố vì có căn cứ được miễn trách nhiệm hình sự trong kỳ thống kê. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 19.

- Cột 22*(Tòa án áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn)*: Thống kê số bị can Tòa án quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong kỳ thống kê.

- Cột 23*(Số người bịTòa án áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng)*: Thống kê số người dưới 18 tuôi phạm tội bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong kỳ thống kê.

- Cột 24*(Số người bị Tòa án áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh)*: Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê./.